

THỐNG KÊ VI PHẠM PHÁP LUẬT TRONG HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP

Từ ngày ... tháng ... năm 20... đến ngày ... tháng ... năm 20...
 (Áp dụng cho kỳ thống kê tháng)

NỘI DUNG	Mã dòng	Số liệu
1. Vi phạm trong việc giải quyết và kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố		
Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền không thụ lý	1	
<i>Trong đó:</i> -Cơ quan điều tra của Công an nhân dân	2	
-Cơ quan điều tra của Quân đội nhân dân	3	
-Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao	4	
-Cơ quan điều tra khác được giao tiến hành một số hoạt động điều tra (Hải quan, Cảnh sát biển, Kiểm lâm...)	5	
Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thụ lý giải quyết không đúng thẩm quyền	6	
<i>Trong đó:</i> -Cơ quan điều tra của Công an nhân dân	7	
-Cơ quan điều tra của Quân đội nhân dân	8	
-Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát tối cao	9	
-Cơ quan điều tra khác được giao tiến hành một số hoạt động điều tra (Hải quan, Cảnh sát biển, Kiểm lâm...)	10	
Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố cơ quan có thẩm quyền quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết không đúng pháp luật	11	
Số tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố đã quá hạn	12	
<i>Trong đó:</i> - Cơ quan điều tra của Công an nhân dân	13	
-Cơ quan điều tra của Quân đội nhân dân	14	
-Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao	15	
-Cơ quan điều tra khác được giao tiến hành một số hoạt động điều tra (Hải quan, Cảnh sát biển, Kiểm lâm...)	16	
Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đã giải quyết không gửi QĐ giải quyết cho VKS	17	
<i>Trong đó:</i> -Cơ quan điều tra của Công an nhân dân	18	
-Cơ quan điều tra của Quân đội nhân dân	19	
-Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao	20	
-Cơ quan điều tra khác được giao tiến hành một số hoạt động điều tra (Hải quan, Cảnh sát biển, Kiểm lâm...)	21	
Số quyết định của Viện kiểm sát huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố không đúng pháp luật	22	
Số vụ án VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định không khởi tố vụ án và ra quyết định khởi tố vụ án để điều tra	23	

NỘI DUNG	Mã dòng	Số liệu
<i>Trong đó:</i> - Cơ quan điều tra của Công an nhân dân	24	
-Cơ quan điều tra của Quân đội nhân dân	25	
-Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao	26	
-Cơ quan điều tra khác được giao tiến hành một số hoạt động điều tra (Hải quan, Cảnh sát biển, Kiểm lâm...)	27	
Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố xác định đủ căn cứ pháp luật nhưng CQĐT không khởi tố mà VKS không yêu cầu CQĐT khởi tố vụ án hoặc VKS không khởi tố vụ án và yêu cầu điều tra	28	
Số quyết định của VKS huỷ bỏ quyết định không khởi tố vụ án của CQĐT không có căn cứ pháp luật	29	
Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố có vi phạm khác trong thụ lý và giải quyết	30	
2. Vi phạm trong khởi tố, điều tra và kiểm sát việc khởi tố, điều tra vụ án hình sự		
Số lệnh, quyết định trong khởi tố, điều tra có vi phạm	31	
Số lần vi phạm trong việc thu thập tài liệu, chứng cứ	32	
<i>Trong đó:</i> - Số lần vi phạm trong thực nghiệm điều tra, nhận dạng, trưng cầu giám định, nhận biết giọng nói, định giá tài sản...	33	
-Số lần vi phạm trong hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng	34	
-Số lần vi phạm trong khám nghiệm hiện trường, tử thi...	35	
<i>Số vụ án bị VKS huỷ bỏ việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt do có vi phạm trong quá trình áp dụng</i>	36	
Số vụ án vi phạm về phục hồi điều tra	37	
Số lần vi phạm trong việc bảo quản và xử lý vật chứng	38	
Số lần vi phạm quy định về truy nã bị can	39	
Số lần vi phạm quy định về bào chữa trong giai đoạn điều tra	40	
Số vụ án vi phạm về thời hạn điều tra	41	
Số lần vi phạm các quy định về thông báo tiếp xúc lãnh sự trong các vụ án liên quan đến người nước ngoài	42	
Số vụ án VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự	43	
Số bị can VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định khởi tố bị can	44	
Số vụ án VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự	45	
Số bị can VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can	46	
Số vụ án VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định nhập, tách vụ án hình sự	47	
Số vụ án VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định đình chỉ điều tra vụ án	48	
Số bị can VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can	49	
Số vụ án VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án	50	
Số bị can VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can	51	
Số QĐ của VKS huỷ bỏ QĐ khởi tố vụ án hình sự không có căn cứ pháp luật	52	

NỘI DUNG	Mã dòng	Số liệu
Số bị can VKS vi phạm thời hạn phê chuẩn QĐ khởi tố bị can	53	
Số vụ án VKS huỷ bỏ việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt không có căn cứ pháp luật	54	
Số bị can VKS phê chuẩn QĐ khởi tố bị can không có căn cứ pháp luật sau đó phải đình chỉ điều tra do không phạm tội	55	
Số bị can VKS không phê chuẩn QĐ khởi tố bị can không có căn cứ pháp luật	56	
Số QĐ của VKS bị VKS cấp trên huỷ bỏ do không có căn cứ pháp luật	57	
Số lần vi phạm quy định về bảo đảm quyền bào chữa của bị can trong giai đoạn truy tố	58	
Số vụ án vi phạm về thời hạn truy tố	59	
Số vụ án VKS đình chỉ không có căn cứ pháp luật	60	
Số bị can VKS đình chỉ không có căn cứ pháp luật	61	
Số vụ án VKS tạm đình chỉ không có căn cứ pháp luật	62	
Số bị can VKS tạm đình chỉ không có căn cứ pháp luật	63	
Số vụ án vi phạm trong việc quyết định truy tố	64	
Số vụ án có vi phạm khác trong khởi tố, điều tra, truy tố	65	
3. Vi phạm trong việc áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế		
3.1. Vi phạm trong việc áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ các biện pháp ngăn chặn		
Số lệnh, quyết định áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn có vi phạm	66	
Trong đó: -Cơ quan điều tra	67	
T.đó:Số lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp	68	
-Cơ quan Viện kiểm sát	69	
-Cơ quan Tòa án	70	
Số lần vi phạm trong việc gửi, tổng đạt, thông báo, niêm yết... các lệnh, quyết định áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ các biện pháp ngăn chặn	71	
Trong đó: -Cơ quan điều tra	72	
-Cơ quan Viện kiểm sát	73	
-Cơ quan Tòa án	74	
Số lần vi phạm trong việc thực hiện các biện pháp ngăn chặn	75	
Số người, bị can quá thời hạn tạm giữ, tạm giam	76	
Trong đó: -Cơ quan điều tra	77	
-Cơ quan Viện kiểm sát	78	
-Cơ quan Tòa án	79	
Số lệnh, quyết định của VKS vi phạm thời hạn phê chuẩn	80	
Số quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn của VKS không có căn cứ pháp luật	81	
Trong đó:Số quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp	82	
Số lần vi phạm trong việc gửi, thông báo, niêm yết lệnh, quyết định của VKS	83	

NỘI DUNG	Mã dòng	Số liệu
Số lần vi phạm khác trong việc áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biên pháp ngăn chặn	84	
3.2. Vi phạm trong việc áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ các biện pháp cưỡng chế		
Số người, bị can, bị cáo bị áp dụng biện pháp cưỡng chế có vi phạm	85	
Trong đó:-Số người bị áp dụng biện pháp áp giải	86	
-Số người bị áp dụng biện pháp dẫn giải	87	
-Số bị can, bị cáo bị áp dụng biện pháp kê biên tài sản	88	
-Số người bị áp dụng biện pháp phong toả tài sản	89	
Số bị can, bị cáo bị CQĐT, Tòa án áp dụng biện pháp kê biên tài sản, phong toả tài khoản nhưng không thông báo cho VKS trước khi thi hành	90	
Số bị can, bị cáo được cơ quan có thẩm quyền huỷ bỏ biện pháp kê biên tài khoản, phong toả tài sản không có căn cứ và trái pháp luật	91	
Số người, bị can, bị cáo vi phạm khác trong việc áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp cưỡng chế	92	
4. Vi phạm trong xét xử, kiểm sát xét xử các vụ án hình sự và vi phạm về trình tự thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án		
4.1. Vi phạm trong xét xử và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự		
Số vụ án vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử	93	
Số quyết định, bản án của Tòa án có vi phạm	94	
Số vụ án vi phạm về thành phần Hội đồng xét xử	95	
Số vụ án vi phạm về việc tạm ngừng phiên toà	96	
Số vụ án vi phạm về việc hoãn phiên toà	97	
Số vụ án vi phạm về giới hạn xét xử	98	
Số vụ án có vi phạm trong việc xử lý vật chứng	99	
Số vụ án vi phạm về việc bảo đảm quyền bào chữa	100	
Số lần vi phạm trong việc tổng đạt BA, QĐ của Tòa án	101	
Số lần vi phạm trong việc gửi BA, QĐ cho VKS	102	
Số vụ án vi phạm trong việc nghị án	103	
Số bị can, bị cáo VKS rút quyết định truy tố	104	
Số quyết định rút quyết định truy tố của VKS không có căn cứ pháp luật	105	
Số lần VKS vi phạm thời hạn chuyển giao hồ sơ cho Tòa án	106	
Số kháng nghị bị VKS cấp trên rút kháng nghị	107	
Số vụ án có vi phạm khác trong hoạt động xét xử các vụ án hình sự	108	
4.2. Vi phạm về trình tự thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án		
Số quyết định TA gửi cho VKS vi phạm về thời hạn	109	
Số quyết định việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án có vi phạm	110	
Trong đó: -Số quyết định đưa vào trường giáo dưỡng	111	
-Số quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc	112	

NỘI DUNG	Mã dòng	Số liệu
<i>-Số quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc</i>	113	
<i>Số quyết định vi phạm khác trong việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án</i>	114	
5. Vi phạm trong áp dụng và kiểm sát tạm giữ, tạm giam, THA hình sự; vi phạm về trình tự, thủ tục xem xét việc hoãn, miễn, giảm, tạm đình chỉ... trong áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án		
5.1. Vi phạm quy định về tạm giữ, tạm giam và kiểm sát tạm giữ, tạm giam		
Số lần vi phạm về trình tự, thủ tục tạm giữ, tạm giam	115	
<i>Trong đó:</i> -Vi phạm trong tạm giữ	116	
-Vi phạm trong tạm giam	117	
Số lần vi phạm trong công tác quản lý về tạm giữ, tạm giam	118	
<i>Trong đó:</i> -Vi phạm trong tạm giữ	119	
-Vi phạm trong tạm giam	120	
Số lần vi phạm trong công tác giáo dục người bị tạm giữ, tạm giam	121	
<i>Trong đó:</i> -Vi phạm trong tạm giữ	122	
-Vi phạm trong tạm giam	123	
Số người VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định tạm giữ trong trường hợp việc tạm giữ không có căn cứ và trái pháp luật	124	
Số lần vi phạm trong thực hiện chế độ đối với người bị tạm giữ, tạm giam	125	
<i>Trong đó:</i> -Vi phạm trong tạm giữ	126	
-Vi phạm trong tạm giam	127	
Số người bị tạm giữ chết (trừ trường hợp do bệnh lý)	128	
Số người bị tạm giam chết (trừ trường hợp do bệnh lý)	129	
<i>Trong đó:</i> -Chết do tự sát	130	
-Chết do nguyên nhân khác	131	
Số người bị tạm giữ, tạm giam phạm tội mới	132	
Số người bị tạm giữ trốn	133	
Số người bị tạm giam trốn	134	
Số người bị tạm giữ, tạm giam được trả tự do theo K2Đ22 Luật Tổ chức VKSND và K2Đ42 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam	135	
<i>Trong đó:</i> -Số người bị tạm giữ	136	
-Số người bị tạm giam	137	
Số người bị tạm giữ VKS trả tự do không có căn cứ và trái pháp luật	138	
Số người bị tạm giam VKS trả tự do không có căn cứ và trái pháp luật	139	
5.2. Vi phạm về THA hình sự và kiểm sát việc THA hình sự		
Số quyết định thi hành án có vi phạm	140	
Số quyết định miễn chấp hành án có vi phạm	141	
Số quyết định hoãn chấp hành án có vi phạm	142	
Số quyết định giảm thời hạn chấp hành án có vi phạm	143	

NỘI DUNG	Mã dòng	Số liệu
Số quyết định tạm đình chỉ chấp hành án có vi phạm	144	
Số quyết định đình chỉ chấp hành án có vi phạm	145	
Số quyết định xóa án tích có vi phạm	146	
Số lần vi phạm trong việc áp giải, truy bắt, truy nã đối tượng thi hành án	147	
Số lần vi phạm về trình tự, thủ tục thi hành án hình sự	148	
Số lần vi phạm trong công tác quản lý thi hành án hình sự	149	
Số lần vi phạm trong công tác giáo dục đối với phạm nhân và người chấp hành án	150	
Số hồ sơ quản lý, đề nghị xét, miễn, giảm, đặc xá có vi phạm	151	
Số lần vi phạm trong việc thực hiện chế độ đối với phạm nhân	152	
Số phạm nhân chết (trừ trường hợp do bệnh lý)	153	
<i>Trong đó: -Trại tạm giam</i>	154	
-Trại giam	155	
<i>-Chấp hành án tại nhà tạm giữ</i>	156	
-Chết do tự sát	157	
-Chết do nguyên nhân khác	158	
Số lần phạm nhân trốn	159	
Số lần vi phạm trong việc giám sát, giáo dục, nhận xét, đánh giá quá trình cải tạo của người chấp hành án treo, cải tạo không giam giữ và rút ngắn thời gian thử thách đối với án treo; miễn, giảm thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ.	160	
Số lần vi phạm trong việc thi hành hình phạt quản chế, cấm cư trú, tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định...	161	
<i>Trong đó: Cơ quan có thẩm quyền, trách nhiệm</i>	162	
Số hồ sơ thi hành biện pháp tư pháp có vi phạm	163	
Số phạm nhân vi phạm pháp luật bị khởi tố hình sự	164	
Số phạm nhân VKS trả tự do không có căn cứ và trái pháp luật	165	
Số bản kháng nghị, kiến nghị của VKS ban hành thông qua kiểm sát tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự không có căn cứ và không được cơ quan bị kiểm sát chấp nhận	166	
<i>Trong đó: -Nhà tạm giữ</i>	167	
-Trại tạm giam	168	
-Trại giam	169	
-Cơ quan Tòa án	170	
-Cơ quan Thi hành án hình sự	171	
-Ủy ban nhân dân cấp xã	172	
Số lần vi phạm khác trong tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự	173	
<i>5.3. Vi phạm về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định việc hoãn, miễn chấp hành, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại của Tòa án</i>		
<i>Số quyết định của Tòa án gửi cho VKS vi phạm về thời hạn</i>	174	

NỘI DUNG	Mã dòng	Số liệu
<i>Số quyết định việc hoãn, miễn chấp hành, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại có vi phạm</i>	175	
Trong đó: -Số quyết định hoãn chấp hành	176	
-Số quyết định miễn chấp hành	177	
-Số quyết định giảm thời hạn	178	
-Số quyết định tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại của Tòa án	179	
<i>Số quyết định vi phạm khác về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định việc hoãn, miễn chấp hành, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại của Tòa án</i>	180	
6. Vi phạm trong thực hiện quyền bào chữa		
Số lần vi phạm trong việc cử đăng ký người bào chữa	181	
<i>Trong đó:</i> Cơ quan quản lý người bào chữa	182	
Số lần vi phạm trong thực hiện việc bào chữa	183	
<i>Trong đó:</i> Cơ quan quản lý người bào chữa	184	
Số lần vi phạm khác về bào chữa	185	
7. Vi phạm trong thực hiện giám định, định giá tài sản, phiên dịch, dịch thuật, công chứng		
Số lần vi phạm trong hoạt động giám định	186	
<i>Trong đó:</i> Cơ quan có thẩm quyền, trách nhiệm	187	
Số lần vi phạm trong hoạt động định giá tài sản	188	
Số lần vi phạm trong hoạt động phiên dịch	189	
<i>Trong đó:</i> Cơ quan có thẩm quyền, trách nhiệm	190	
Số lần vi phạm trong hoạt động dịch thuật	191	
Số lần vi phạm trong hoạt động công chứng	192	
<i>Trong đó:</i> Cơ quan có thẩm quyền, trách nhiệm	193	
Số lần vi phạm khác về giám định, định giá tài sản, phiên dịch, dịch thuật, công chứng	194	
8. Vi phạm trong giải quyết và kiểm sát việc giải quyết các vụ, việc dân sự, HNGĐ; KDTM; lao động; hành chính		
Số vụ, việc vi phạm về thẩm quyền giải quyết	195	
Số vụ, việc vi phạm trong việc thụ lý hoặc không thụ lý đơn khởi kiện, đơn yêu cầu	196	
Số vụ, việc Tòa án vi phạm thời hạn gửi thông báo thụ lý cho VKS	197	
Số vụ, việc vi phạm về xác minh, thu thập chứng cứ	198	
Số vụ, việc vi phạm về lấy lời khai đương sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan	199	
Số vụ, việc xác định không đúng quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng	200	
Số vụ, việc vi phạm trong việc trưng cầu giám định, định giá tài sản	201	
Số lần vi phạm trong việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời	202	
Số vụ, việc vi phạm trong việc hòa giải hoặc đối thoại	203	
Số vụ, việc Tòa án vi phạm thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS	204	

NỘI DUNG	Mã dòng	Số liệu
Số vụ, việc vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử	205	
Số bản án, quyết định Tòa án gửi cho VKS không đúng thời hạn	206	
Số bản án, quyết định của Tòa án có vi phạm	207	
Số vụ, việc vi phạm trong việc đình chỉ, sửa chữa, bổ sung nội dung bản án	208	
Số vụ, việc vi phạm trong việc cấp, tổng đạt, thông báo, niêm yết các văn bản tố tụng	209	
Số vụ, việc có vi phạm trong việc thực hiện các quy định về án phí, lệ phí và các chi phí tố tụng khác	210	
Số vụ, việc vi phạm các quy định tại phiên tòa sơ thẩm hoặc phiên họp sơ thẩm	211	
Số vụ, việc vi phạm các quy định tại phiên tòa phúc thẩm hoặc phiên họp phúc thẩm	212	
Số vụ, việc vi phạm các quy định tại phiên tòa hoặc phiên họp giám đốc thẩm, tái thẩm	213	
Số vụ, việc VKS không thực hiện quyền kiến nghị về QĐ áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án	214	
Số vụ, việc VKS không thực hiện quyền kiến nghị về việc TA trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu	215	
Số lần VKS vi phạm thời hạn chuyển giao hồ sơ cho Tòa án	216	
Số kháng nghị bị VKS cấp trên rút kháng nghị	217	
Số lần có vi phạm khác trong giải quyết vụ, việc dân sự, HNGĐ; KDTM; lao động; hành chính.	218	
9. Vi phạm trong thi hành án dân sự, hành chính và kiểm sát thi hành án dân sự, hành chính		
Số bản án, quyết định Tòa án vi phạm thời hạn chuyển giao cho Cơ quan thi hành án	219	
Số lần vi phạm trong việc tiếp nhận, thụ lý đơn yêu cầu thi hành án	220	
Số việc có vi phạm trong thông báo, niêm yết công khai các quyết định về thi hành án	221	
Số quyết định về thi hành án dân sự có vi phạm	222	
Số quyết định buộc thi hành án hành chính của Tòa án có vi phạm	223	
Số quyết định thi hành án gửi cho VKS vi phạm về thời hạn	224	
Số việc vi phạm về việc phân loại, xác minh điều kiện thi hành án	225	
Số việc vi phạm trong việc uỷ thác và nhận uỷ thác thi hành án	226	
Số việc vi phạm trong việc hoãn thi hành án	227	
Số việc vi phạm trong việc tạm đình chỉ thi hành án	228	
Số việc vi phạm trong việc đình chỉ thi hành án	229	
Số việc vi phạm trong việc cưỡng chế thi hành án	230	
Số việc vi phạm trong việc kê biên, định giá, bán đấu giá tài sản	231	
Số việc vi phạm trong việc xử lý tài sản, vật chứng	232	
Số việc vi phạm trong việc lập hồ sơ xét miễn, giảm tiền thi hành án	233	
Số việc Tòa án có vi phạm trong việc xét miễn, giảm tiền thi hành án	234	
Số việc vi phạm trong việc thu, quản lý, xử lý tiền, tài sản thi hành án	235	

NỘI DUNG	Mã dòng	Số liệu
Số việc có vi phạm khác trong THA dân sự, hành chính	236	
10. Vi phạm trong giải quyết và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về tư pháp		
Số lần vi phạm trong việc tiếp công dân	237	
<i>Trong đó:</i> -Cơ quan điều tra	238	
-Cơ quan Viện kiểm sát	239	
-Cơ quan Tòa án	240	
-Cơ quan Thi hành án	241	
-Cơ quan khác	242	
Số lần vi phạm trong việc tiếp nhận, thụ lý đơn	243	
<i>Trong đó:</i> - Cơ quan điều tra	244	
-Cơ quan Viện kiểm sát	245	
-Cơ quan Tòa án	246	
-Cơ quan Thi hành án	247	
-Cơ quan khác	248	
Số lần vi phạm trong việc phân loại đơn	249	
<i>Trong đó:</i> -Cơ quan điều tra	250	
-Cơ quan Viện kiểm sát	251	
-Cơ quan Tòa án	252	
-Cơ quan Thi hành án	253	
-Cơ quan khác	254	
Số lần có vi phạm về việc thực hiện trách nhiệm bảo vệ người tố cáo	255	
<i>Trong đó:</i> -Cơ quan điều tra	256	
-Cơ quan Viện kiểm sát	257	
-Cơ quan Tòa án	258	
-Cơ quan Thi hành án	259	
-Cơ quan khác	260	
Số đơn có vi phạm về trình tự, thủ tục giải quyết	261	
<i>Trong đó:</i> -Cơ quan điều tra	262	
-Cơ quan Viện kiểm sát	263	
-Cơ quan Tòa án	264	
-Cơ quan Thi hành án	265	
-Cơ quan khác	266	
Số đơn có vi phạm thẩm quyền thụ lý giải quyết đơn	267	
<i>Trong đó:</i> -Cơ quan điều tra	268	
-Cơ quan Viện kiểm sát	269	
-Cơ quan Tòa án	270	
-Cơ quan Thi hành án	271	
-Cơ quan khác	272	
Số việc kiểm sát giải quyết khiếu nại, tố cáo có vi phạm	273	

NỘI DUNG	Mã dòng	Số liệu
Số bản kết luận, kiến nghị, kháng nghị của VKS ban hành thông qua hoạt động kiểm sát việc giải quyết KNTC đối với các cơ quan tư pháp không có căn cứ và không được cơ quan bị kiểm sát chấp nhận.	274	
Số lần vi phạm khác trong giải quyết khiếu nại, tố cáo về tư pháp	275	
11. Xử lý người có hành vi vi phạm pháp luật		
Số người bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính	276	
<i>Trong đó: -Cơ quan Công an</i>	277	
-Cơ quan Viện kiểm sát	278	
-Cơ quan Tòa án	279	
-Cơ quan Thi hành án	280	
-Cơ quan khác	281	
Số người bị khởi tố bị can	282	
<i>Trong đó: -Cơ quan Công an</i>	283	
-Cơ quan Viện kiểm sát	284	
-Cơ quan Tòa án	285	
-Cơ quan Thi hành án	286	
-Cơ quan khác	287	
Số người VKS yêu cầu CQĐT khởi tố trong hoạt động kiểm sát tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự	288	
Số bị can VKS khởi tố trong hoạt động kiểm sát tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự	289	

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ và tên)

.....ngày ... tháng ... năm 20.....
VIỆN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)